TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2018/DS-PT
Ngày: 28- 11-2018
V/v *"Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Ông NĐ, sinh năm 1972. Địa chỉ:ấp S, xã T, tx B, tỉnh Hậu Giang. Chổ ở hiện nay: ấp T, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Việt H, sinh năm 1966. Địa chỉ: LK, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn*:* Bà BĐ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Chổ ở hiện nay: ấp H, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông UQBĐ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu vực x, thị xã b, tỉnh Hậu Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018) (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Công an huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp A, thị trấn x, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông LC1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 146/1, ấp H, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. Ông LC2, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 05/1, ấp N, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

3. Bà LC3, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 05/1, ấp N, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

4. Ông LC4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 923/1, ấp N, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

5. Ông LC5, Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

6. Ông LC6, địa chỉ: ấp Đ, xã T, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

7. Ông LC7, địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

8. Bà LC8, địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

9. Bà LC9, địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông NĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn NĐ trình bày: Trước đây ông có tham gia hụi do bà BĐ làm chủ hụi, trong quá trình tham gia hụi thì BĐ cho ông biết ông còn nợ tiền hụi của BĐ 10.500.000 đồng. Trước ngày gom hụi, ông có điện thoại cho BĐ nhận tiền hụi thì BĐ hẹn và nói *"*4-5 ngày mới nhận tiền hụi", ông có nói "ông bận đi làm 01 tuần sau mới về" BĐ cũng đồng ý. Do ông đi làm xa chỉ được 02 ngày, ông không có ở nhà thì BĐ kiếm chuyện gây gỗ xĩ nhục vu khống vợ chồng ông, la lối ôm sòm cho rằng "ông giựt hụi và bỏ đi theo vợ bé", khi ông về BĐ yêu cầu ông phải đóng hụi cho BĐ và ông kêu BĐ đem ra chính quyền giải quyết ông mới đóng. BĐ không chịu mà khoảng 10 giờ sáng ngày 02/9/2016 BĐ chăn đường chiếm đoạt xe hai bánh hiệu Wave đời mới, Biển số 95FA-00056, trị giá xe 19.000.000 đồng của ông, kể cả giấy đăng ký xe, giấy bảo hiểm xe mà ông để trong xe khi đang chạy trên đường đến trước cửa nhà ông Sáu Bền. Do BĐ không biết chạy xe nên BĐ mượn người ta đem qua nhà ông Năm Lợi ở ấp H, xã Đ gửi. Sau khoảng 10 ngày thì BĐ kêu thằng Đôi là con của ông Bảy Khôn ở sân phơi mỏ neo ấp N, xã Đ đem xe của ông gửi nhà xe Hiếu Thu ở chợ C, xã Đ để gửi xe lên quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cho con BĐ chạy để làm phương tiện đi lại làm ăn sinh sống. Sau đó ông đã làm đơn nhờ cơ quan cảnh sát điều tra, công an huyện x giải quyết, ngày 23/11/2016, Công an huyện x mời ông đến nhận xe, ông không đồng ý nhận xe do giấy chứng nhận đăng ký xe, bảo hiểm xe BĐ không giao trả nên không sử dụng xe được. Đến ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện x ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2018/QĐST-DS, ngày 07/3/2018, theo đơn khởi kiện của BĐ với nôi dung ông thừa nhận nợ BĐ 10.500.000 đồng và hứa trả. Đến ngày 04/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện x ban hành công văn số 46/CQCSĐT với nội dung cho biết hành vi của BĐ không có sự việc phạm tội, còn việc yêu cầu bồi thường thiệt hại là trách nhiệm dân sự. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà BĐ phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do BĐ chiếm giữ xe của ông gây ra thời gian từ ngày 02/9/2016 đến ngày 09/4/2018 cụ thể như sau: Tài sản bị chiếm đoạt là xe hai bánh trị giá 19.000.000 đồng; mất thu nhập do mua bán cây nhưng bị giữ xe nên không thể nào đi mua bán cây: 19 tháng x 6.000.000 đồng/tháng =

114.000.000 đồng và tổn thất tinh thần là 5.000.000 đồng, tổng cộng: 138.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 03/8/2018 ông vẫn giữ nguyên yêu cầu BĐ bồi thường tiền mất thu nhập là 114.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 5.000.000 đồng, Còn tiền giá trị xe 19.000.000 đồng ông thay đổi là xin nhận lại xe, yêu cầu BĐ phải làm giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe 02 năm trả lại ông vì giấy tờ và bảo hiểm xe ông để trong cốp xe nên khi BĐ lấy xe thì lấy luôn giấy tờ xe và làm mất.

Theo đơn phản đối ngày 14/5/2018 các lời khai của BĐ và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện hợp pháp bị đơn đều trình bày: Trước đây NĐ có thiếu tiền hụi của BĐ 10.500.000 đồng và có hẹn nhiều lần nhưng không chịu trả mặc dù BĐ đã đòi nhiều lần. Trước việc NĐ không đồng ý trả tiền do tính tình BĐ nóng nảy, không hiểu biết pháp luật và cũng không biết chữ nên BĐ có giữ một chiếc xe 02 bánh của NĐ cốt yếu là để NĐ trả nợ cho bà Thủy. Sự việc có diễn biến là khoảng 08 giờ sáng ngày 02/9/2016 NĐ chạy xe ngang qua nhà BĐ, BĐ kêu NĐ ghé nói chuyện, NĐ nói đi làm về ghé nên đến 10 giờ BĐ gặp NĐ quay lại nhưng không ghé, BĐ chạy ra gọi NĐ lại và nói với NĐ, bà cho NĐ hứa một lần nữa nhưng NĐ nói là ông không hứa vì đã thưa ra chính quyền, BĐ nắm đui xe của NĐ và nói không có tiền trả thì đưa xe cho bà và lúc này NĐ lủi xe vào bụi chuối và bỏ đi, BĐ cũng bỏ về nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày BĐ thấy xe NĐ vẫn còn ở gốc chuối, bà sợ mất xe thì đền tiền và sợ ông vu khống nên BĐ nhờ cháu tên Tuấn dắt xe về dùm, việc này có gia đình anh Sáu Bền biết, hai ngày sau BĐ đi du lịch nước ngoài nhà BĐ cửa nẻo không đảm bảo nên BĐ đưa cho anh Năm Lợi giữ dùm. Thời gian sau do ông Năm Lợi đi vắng nên anh Lợi nói là không giữ nên trả lại BĐ, BĐ mới kêu con gái là Vân đem về nhà ở Ngã 6, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cất giữ.

Khoảng hai tháng sau NĐ mới thưa Công an và công an kêu con BĐ mang xe về giao cho công an cho đến nay. Tại công an xã Đ giải quyết thì NĐ đồng ý nhận lại xe nhưng NĐ cho là mất giấy tờ xe buộc BĐ phải bồi thường giấy xe mới chịu nhận lại và BĐ không đồng ý bởi BĐ không biết làm giấy xe, BĐ đồng ý trừ 500.000 đồng trong tiền hụi NĐ thiếu để NĐ làm giấy xe nhưng NĐ không đồng ý nên công an xã Đ chuyển hồ sơ lên công an huyện cho đến nay. Đối với việc ông NĐ yêu cầu bà BĐ bồi thường số tiền: mất thu nhập do mua bán cây nhưng bị giữ xe nên không thể nào đi mua bán cây là 114.000.000 đồng; tổn thất tinh thần là 5.000.000 đồng; tổng cộng là 119.000.000 đồng bà BĐ không đồng ý bồi thường cho ông NĐ. Đối với yêu cầu của NĐ về việc buộc BĐ làm lại giấy tờ xe và mua 02 năm bảo hiểm xe BĐ cũng không đồng ý mà chỉ đồng ý hỗ trợ cho NĐ 500.000 đồng vì BĐ không làm mất giấy tờ xe của NĐ.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trình bày***:** Ông là người đại diện theo ủy quyền của Công an huyện X, trước đây công an có giải quyết việc tố cáo của ông NĐ về việc bà BĐ giữ xe của NĐ. Khi nhận được đơn yêu cầu của NĐ thì Công an huyện x có làm việc và thông báo cho gia đình BĐ thì con gái BĐ là Vân và cùng con trai tên Tài có

đem xe đến Công an nộp, thời điểm làm việc thì nghe nói chiếc xe này lấy từ nhà cô con gái tên Vân đem xuống, còn trước đó thì có đem đi đâu không thì ông không biết. Hiện nay chiếc xe này công an huyện x vẫn còn đang quản lý (gửi tại công an xã Đ). Khi gia đình BĐ giao xe cho công an chỉ có xe chứ không có giấy tờ xe. Chiếc xe này công an cũng đã mời NĐ đến nhận nhiều lần nhưng NĐ không đồng ý nhận với lý do không có giấy tờ xe. Nay công an huyện x yêu cầu Tòa án giải quyết cho NĐ nhận lại xe, vì công an cũng có mời phía NĐ lên nhận xe nhiều lần nhưng ông không đồng ý nhận mà cứ đòi có giấy tờ xe mới nhận, công an cũng đã giải thích với NĐ về việc giấy tờ xe và BĐ hứa hổ trợ cho NĐ 500.000 đồng nhưng NĐ không đồng ý nhận lại xe.

Tại bản án sơ thẩm số 45/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Áp dụng Khoản 6 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 244 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miển giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc yêu cầu bị đơn BĐ bồi thường thiệt hại do BĐ lấy xe của ông làm thiệt hại 114.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 5.000.000 đồng; làm lại giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe cho ông trong thời hạn 02 năm.

2. Ông NĐ có nghĩa vụ nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 95FA-XXX màu xanh nhãn hiệu WAYEC đã qua sử dụng có nhiều vết trầy xướt do Công an huyện x đang quản lý (theo biên bản về việc thu giữ vật chứng ngày 23/11/2016 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà BĐ hổ trợ tiền làm lại giấy tờ xe cho ông NĐ là 500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2018, nguyên đơn ông NĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách. Buộc BĐ phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông NĐ là 114.000.000đ và tổn thất tinh thần là 5.000.000đ, làm giấy xe và mua bảo hiểm xe 02 năm cho ông.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông NĐ và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho NĐ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong đó có nêu nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo liên quan các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại sau: xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo liên quan các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại sau: rút toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần với số tiền 5.000.000đ; rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do BĐ lấy xe của ông làm thiệt hại cho ông tương ứng số tiền 57.000.000đ. Yêu cầu Tòa phúc thẩm tiếp tục giải quyết buộc

bà BĐ bồi thường cho ông các khoản tiền: Khoản tiền bị thiệt hại do BĐ lấy xe ông phải thuê xe: 19 tháng x 3.000.000đ /tháng = 57.000.000đ; 1.500.000đ tiền làm lại giấy tờ xe ngoài số tiền 500.000đ BĐ hỗ trợ từ cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà BĐ không đồng ý việc NĐ rút một phần đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông NĐ có đơn kháng cáo vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho NĐ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Ông NĐ có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo ở các nội dung: xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo liên quan các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại sau: rút toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần với số tiền 5.000.000đ; rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do BĐ lấy xe của ông làm thiệt hại cho ông tương ứng số tiền 57.000.000đ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bà BĐ không đồng ý việc ông NĐ rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần NĐ rút kháng cáo.

[2] Về nội dung:

Giữa ông NĐ và bà BĐ có tranh chấp về số tiền hụi là 10.500.000 đồng, hụi đã mãn nhưng NĐ không đồng ý trả tiền, BĐ đã nhiều lần đến đòi nhưng NĐ hứa nhiều lần không trả và yêu cầu BĐ thưa ra chính quyền giải quyết. Ngày 02/9/2016 BĐ gặp NĐ và đã chặn xe NĐ mục đích là để đòi tiền và yêu cầu NĐ hứa thời gian trả tiền nhưng NĐ không đồng ý, BĐ nắm đuôi xe của NĐ giằng co, lúc này xe ngả vào bụi chuối, NĐ bỏ xe lại và đi về nhà, BĐ cũng bỏ đi về nhà. Đến khoảng 15 giờ khi BĐ đi ngang thấy xe NĐ vẫn còn nên bà đem về gửi nhà ông Lợi, hai tháng sau NĐ tố cáo bà và ngày 04/4/2018 Công an

huyện x đã có công văn trả lời đơn yêu cầu của NĐ là không có sự việc phạm tội. NĐ cũng thừa nhận BĐ đã nhiều lần đòi tiền hụi nhưng ông không trả mà ông để chính quyền giải quyết. Khi BĐ chặn xe và kéo xe ông lại thì xe ông lũi vào bụi chuối nên ông bỏ xe lại và nói với ông Bền là BĐ lấy xe ông để trừ nợ và bỏ đi; Lời trình bày của NĐ phù hợp với lời trình bày của BĐ, phù hợp với lời khai của người làm chứng NLC2 (bút lục 103), NLC3 (bút lục 104). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 và là chứng cứ vụ án theo Điều 93, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông NĐ yêu cấu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

Những lời trình bày và yêu cầu của bị đơn đều được ghi nhận và đều được chấp thuận, còn ý kiến của nguyên đơn trình bày đều bị bác bỏ, không chấp nhận gây thiệt thòi cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng chưa trình bày hết những điều cần trình bày tại phiên tòa.

Cấp sơ thẩm chưa thẩm tra, xác minh làm rõ các lời khai của những người làm chứng.

Cấp sơ thẩm không thẩm tra xác minh làm rỏ hành vi phạm tội của bị đơn bà BĐ là chiếm giữ xe của ông trái pháp luật mà còn bảo vệ cho bị đơn và bản án sơ thẩm nhận định là không gây thiệt hại cho ông.

Xét thấy, như đã phân tích ở phần [2] NĐ thừa nhận khi BĐ kéo xe ông thì xe ông lũi vào bụi chuối , đồng thời ông bỏ xe tại đó rồi bỏ đi và nói với ông Bền là giao xe cho BĐ để trừ nợ. Còn BĐ khai khi đó bà cũng bỏ đi về nhà, sau đó khoảng 15 giờ BĐ thấy xe còn ngoài bụi chuối mới nhờ con ông Trí tên là Tuấn dẫn xe dùm vào nhà bà. Lời trình bày này của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng NLC 2 (bút lục 49, 103), NLC3 (bút lục 50, 104). Nên có căn cứ xác định mục đích BĐ chặn xe NĐ là để yêu cầu NĐ trả tiền không có ý định chiếm đoạt xe NĐ, vì sau khi NĐ để xe lại và bỏ đi thì BĐ cũng bỏ về nhà, đến khoảng 15 giờ bà đi ngang thấy xe NĐ còn để lại nên bà nghĩ NĐ để xe để trừ nợ nên bà nhờ người dẫn về khi nào có tiền NĐ sẽ đến lấy xe lại, BĐ sợ không mang về mất xe của NĐ. Cơ quan điều tra Công an huyện x đã có văn bản số 46 ngày 04/4/2018 trả lời đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của ông NĐ sau khi thẩm tra, xác minh thấy không có sự việc phạm tội nên thông báo cho NĐ (bút lục 91). Từ các cơ sở trên cấp sơ thẩm xét xử vụ án là khách quan và đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của NĐ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của NĐ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc BĐ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông 57.000.000đ tiền mất thu nhập do mua bán cây và yêu cầu BĐ hoàn trả thêm 1.500.000đ tiền làm giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe 2 năm cho ông:

Xét thấy, trong vụ việc này NĐ đã tự bỏ xe lại nơi xảy ra tranh cải và không quay lại lấy xe đến khi BĐ lấy xe đi gửi ông biết rõ nhưng cũng không đến lấy lại xe cũng như không trình báo chính quyền địa phương ngay. Còn BĐ sau khi về nhà đến chiều quay lại thấy còn xe của NĐ, bà sợ mất xe của NĐ nên mang xe về nhà và đem đi gửi. BĐ không có lỗi trong trường hợp này, do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông NĐ yêu cầu BĐ bồi thường thiệt

hại số tiền mất thu nhập do mua bán cây là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 584 của Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà BĐ trả cho NĐ 1.500.000đ tiền làm lại giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe cho NĐ trong thời hạn 02 năm vì ông cho rằng giấy tờ xe ông để trong cốp xe. Xét thấy, BĐ không đồng ý làm lại giấy tờ và mua bảo hiểm xe cho NĐ, bà không thừa nhận làm mất giấy tờ xe của NĐ bà cho rằng khi lấy xe thì bà không mở cóp xe và đem lại nhà ông Lợi gửi không thấy có giấy tờ xe; Theo lời khai của ông Lê Minh Lợi (BL 102) khi BĐ đem xe đến nhà ông gửi chỉ có chiếc xe, không có giấy tờ và yên xe không có mở, gửi 04 ngày thì con BĐ đến lấy xe; theo lời khai của của Vân là con gái BĐ (BL113) khi đến nhà ông Lợi lấy xe chạy về nhà trên đường về chị có ghé đổ xăng khi mở cóp xe để đổ xăng chị thấy trong cóp xe không có giấy tờ gì. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay NĐ không có chứng cứ nào để chứng minh được giấy tờ xe ông để trong cốp xe khi BĐ lấy xe ông và làm mất. Vì vậy, yêu cầu của NĐ nêu trên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, điểm a khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

1/- Không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông NĐ.

2/- Không chấp nhận kháng cáo của ông NĐ đối với yêu cầu bà BĐ hoàn trả thêm 1.500.000đ tiền làm giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe 2 năm cho ông Lời.

3/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn NĐ đối với yêu cầu kháng cáo liên quan các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại sau: khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần với số tiền 5.000.000đ; khoản cầu bồi thường thiệt hại do BĐ lấy xe của ông làm thiệt hại cho ông tương ứng số tiền 57.000.000đ.

4/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- Áp dụng Khoản 6 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 244 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về nội dung giải quyết.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc yêu cầu bị đơn BĐ bồi thường thiệt hại do BĐ lấy xe của ông làm thiệt hại 114.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 5.000.000 đồng; làm lại giấy tờ xe và mua bảo hiểm xe cho ông trong thời hạn 02 năm.

2. Ông NĐ có nghĩa vụ nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 95FA-XXX màu xanh nhãn hiệu WAYEC đã qua sử dụng có nhiều vết trầy xước do Công an huyện x đang quản lý (theo biên bản về việc thu giữ vật chứng ngày 23/11/2016 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà BĐ hỗ trợ tiền làm lại giấy tờ xe cho ông NĐ là 500.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn NĐ phải chịu là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), NĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0002212, ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Vì vậy, nguyên đơn NĐ còn phải nộp thêm 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm chục nghìn đồng). Bị đơn BĐ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Án phí dân sự phúc thẩm: ông NĐ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0004287 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông NĐ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Tăng Thị Thúy Nga

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.